Mô hình Usecase  
Phần mềm quản lý bán sách

Version 1.0

Sinh viên thực hiện:

1642015 – Nguyễn Đức Đông

1642027– Lâm Thiên Hưng

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| 16/11/2017 | 1.0 | - Vẽ sơ đồ usecase.  - Viết danh sách actor, danh sách usecase.  - Viết đặc tả usecase 1 => 16. | Nguyễn Đức Đông |
| 16/11/2017 | 1.0 | - Vẽ sơ đồ usecase.  - Viết đặc tả usecase 17 => 32 | Lâm Thiên Hưng |

MỤC LỤC

[1. Sơ đồ Use-case 7](#_Toc498883916)

[2. Danh sách các Actor 7](#_Toc498883917)

[3. Danh sách các Use-case 8](#_Toc498883918)

[4. Đặc tả Use-case 9](#_Toc498883919)

[4.1 Đặc tả Use-case Đăng nhập 9](#_Toc498883920)

[4.1.1 Tóm tắt 9](#_Toc498883921)

[4.1.2 Dòng sự kiện 9](#_Toc498883922)

[4.1.3 Các yêu cầu đặc biệt 9](#_Toc498883923)

[4.1.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 9](#_Toc498883924)

[4.1.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 9](#_Toc498883925)

[4.1.6 Điểm mở rộng 9](#_Toc498883926)

[4.2 Đặc tả Use-case Đổi mật khẩu 9](#_Toc498883927)

[4.2.1 Tóm tắt 9](#_Toc498883928)

[4.2.2 Dòng sự kiện 9](#_Toc498883929)

[4.2.3 Các yêu cầu đặc biệt 10](#_Toc498883930)

[4.2.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 10](#_Toc498883931)

[4.2.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 10](#_Toc498883932)

[4.2.6 Điểm mở rộng 10](#_Toc498883933)

[4.3 Đặc tả Use-case Đăng xuất 10](#_Toc498883934)

[4.3.1 Tóm tắt 10](#_Toc498883935)

[4.3.2 Dòng sự kiện 10](#_Toc498883936)

[4.3.3 Các yêu cầu đặc biệt 10](#_Toc498883937)

[4.3.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 10](#_Toc498883938)

[4.3.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 10](#_Toc498883939)

[4.3.6 Điểm mở rộng 10](#_Toc498883940)

[4.4 Đặc tả Use-case Xem danh mục sách 11](#_Toc498883941)

[4.4.1 Tóm tắt 11](#_Toc498883942)

[4.4.2 Dòng sự kiện 11](#_Toc498883943)

[4.4.3 Các yêu cầu đặc biệt 11](#_Toc498883944)

[4.4.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 11](#_Toc498883945)

[4.4.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 11](#_Toc498883946)

[4.4.6 Điểm mở rộng 11](#_Toc498883947)

[4.5 Đặc tả Use-case Thêm sách 11](#_Toc498883948)

[4.5.1 Tóm tắt 11](#_Toc498883949)

[4.5.2 Dòng sự kiện 11](#_Toc498883950)

[4.5.3 Các yêu cầu đặc biệt 12](#_Toc498883951)

[4.5.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 12](#_Toc498883952)

[4.5.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 12](#_Toc498883953)

[4.5.6 Điểm mở rộng 12](#_Toc498883954)

[4.6 Đặc tả Use-case Cập nhật sách 12](#_Toc498883955)

[4.6.1 Tóm tắt 12](#_Toc498883956)

[4.6.2 Dòng sự kiện 12](#_Toc498883957)

[4.6.3 Các yêu cầu đặc biệt 12](#_Toc498883958)

[4.6.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 12](#_Toc498883959)

[4.6.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 12](#_Toc498883960)

[4.6.6 Điểm mở rộng 12](#_Toc498883961)

[4.7 Đặc tả Use-case Xóa sách 13](#_Toc498883962)

[4.7.1 Tóm tắt 13](#_Toc498883963)

[4.7.2 Dòng sự kiện 13](#_Toc498883964)

[4.7.3 Các yêu cầu đặc biệt 13](#_Toc498883965)

[4.7.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 13](#_Toc498883966)

[4.7.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 13](#_Toc498883967)

[4.7.6 Điểm mở rộng 13](#_Toc498883968)

[4.8 Đặc tả Use-case Xem danh sách nhân viên 13](#_Toc498883969)

[4.8.1 Tóm tắt 13](#_Toc498883970)

[4.8.2 Dòng sự kiện 13](#_Toc498883971)

[4.8.3 Các yêu cầu đặc biệt 13](#_Toc498883972)

[4.8.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 13](#_Toc498883973)

[4.8.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 14](#_Toc498883974)

[4.8.6 Điểm mở rộng 14](#_Toc498883975)

[4.9 Đặc tả Use-case Thêm nhân viên 14](#_Toc498883976)

[4.9.1 Tóm tắt 14](#_Toc498883977)

[4.9.2 Dòng sự kiện 14](#_Toc498883978)

[4.9.3 Các yêu cầu đặc biệt 14](#_Toc498883979)

[4.9.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 14](#_Toc498883980)

[4.9.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 14](#_Toc498883981)

[4.9.6 Điểm mở rộng 14](#_Toc498883982)

[4.10 Đặc tả Use-case Cập nhật nhân viên 15](#_Toc498883983)

[4.10.1 Tóm tắt 15](#_Toc498883984)

[4.10.2 Dòng sự kiện 15](#_Toc498883985)

[4.10.3 Các yêu cầu đặc biệt 15](#_Toc498883986)

[4.10.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 15](#_Toc498883987)

[4.10.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 15](#_Toc498883988)

[4.10.6 Điểm mở rộng 15](#_Toc498883989)

[4.11 Đặc tả Use-case Xóa nhân viên 15](#_Toc498883990)

[4.11.1 Tóm tắt 15](#_Toc498883991)

[4.11.2 Dòng sự kiện 15](#_Toc498883992)

[4.11.3 Các yêu cầu đặc biệt 15](#_Toc498883993)

[4.11.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 16](#_Toc498883994)

[4.11.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 16](#_Toc498883995)

[4.11.6 Điểm mở rộng 16](#_Toc498883996)

[4.12 Đặc tả Use-case Xem danh sách tác giả 16](#_Toc498883997)

[4.12.1 Tóm tắt 16](#_Toc498883998)

[4.12.2 Dòng sự kiện 16](#_Toc498883999)

[4.12.3 Các yêu cầu đặc biệt 16](#_Toc498884000)

[4.12.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 16](#_Toc498884001)

[4.12.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 16](#_Toc498884002)

[4.12.6 Điểm mở rộng 16](#_Toc498884003)

[4.13 Đặc tả Use-case Thêm tác giả 16](#_Toc498884004)

[4.13.1 Tóm tắt 16](#_Toc498884005)

[4.13.2 Dòng sự kiện 17](#_Toc498884006)

[4.13.3 Các yêu cầu đặc biệt 17](#_Toc498884007)

[4.13.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 17](#_Toc498884008)

[4.13.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 17](#_Toc498884009)

[4.13.6 Điểm mở rộng 17](#_Toc498884010)

[4.14 Đặc tả Use-case Cập nhật tác giả 17](#_Toc498884011)

[4.14.1 Tóm tắt 17](#_Toc498884012)

[4.14.2 Dòng sự kiện 17](#_Toc498884013)

[4.14.3 Các yêu cầu đặc biệt 17](#_Toc498884014)

[4.14.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 17](#_Toc498884015)

[4.14.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 18](#_Toc498884016)

[4.14.6 Điểm mở rộng 18](#_Toc498884017)

[4.15 Đặc tả Use-case Xóa tác giả 18](#_Toc498884018)

[4.15.1 Tóm tắt 18](#_Toc498884019)

[4.15.2 Dòng sự kiện 18](#_Toc498884020)

[4.15.3 Các yêu cầu đặc biệt 18](#_Toc498884021)

[4.15.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 18](#_Toc498884022)

[4.15.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 18](#_Toc498884023)

[4.15.6 Điểm mở rộng 18](#_Toc498884024)

[4.16 Đặc tả Use-case Xem danh sách các thể loại sách 18](#_Toc498884025)

[4.16.1 Tóm tắt 18](#_Toc498884026)

[4.16.2 Dòng sự kiện 18](#_Toc498884027)

[4.16.3 Các yêu cầu đặc biệt 19](#_Toc498884028)

[4.16.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 19](#_Toc498884029)

[4.16.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 19](#_Toc498884030)

[4.16.6 Điểm mở rộng 19](#_Toc498884031)

[4.17 Đặc tả use-case thêm thể loại 19](#_Toc498884032)

[4.17.1 Tóm tắt 19](#_Toc498884033)

[4.17.2 Dòng sự kiện 19](#_Toc498884034)

[4.17.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 19](#_Toc498884035)

[4.17.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 19](#_Toc498884036)

[4.17.5 Điểm mở rộng 19](#_Toc498884037)

[4.18 Đặc tả use-case cập nhật thể loại 20](#_Toc498884038)

[4.18.1 Tóm tắt 20](#_Toc498884039)

[4.18.2 Dòng sự kiện 20](#_Toc498884040)

[4.18.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 20](#_Toc498884041)

[4.18.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 20](#_Toc498884042)

[4.18.5 Điểm mở rộng 20](#_Toc498884043)

[4.19 Đặc tả use-case xóa thể loại 20](#_Toc498884044)

[4.19.1 Tóm tắt 20](#_Toc498884045)

[4.19.2 Dòng sự kiện 20](#_Toc498884046)

[4.19.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 20](#_Toc498884047)

[4.19.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 20](#_Toc498884048)

[4.19.5 Điểm mở rộng 21](#_Toc498884049)

[4.20 Đặc tả use-case xem danh sách nhà xuất bản 21](#_Toc498884050)

[4.20.1 Tóm tắt 21](#_Toc498884051)

[4.20.2 Dòng sự kiện 21](#_Toc498884052)

[4.20.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 21](#_Toc498884053)

[4.20.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 21](#_Toc498884054)

[4.20.5 Điểm mở rộng 21](#_Toc498884055)

[4.21 Đặc tả use-case thêm nhà xuất bản 21](#_Toc498884056)

[4.21.1 Tóm tắt 21](#_Toc498884057)

[4.21.2 Dòng sự kiện 21](#_Toc498884058)

[4.21.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 22](#_Toc498884059)

[4.21.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 22](#_Toc498884060)

[4.21.5 Điểm mở rộng 22](#_Toc498884061)

[4.22 Đặc tả use-case cập nhật nhà xuất bản 22](#_Toc498884062)

[4.22.1 Tóm tắt 22](#_Toc498884063)

[4.22.2 Dòng sự kiện 22](#_Toc498884064)

[4.22.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 22](#_Toc498884065)

[4.22.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 22](#_Toc498884066)

[4.22.5 Điểm mở rộng 22](#_Toc498884067)

[4.23 Đặc tả use-case xóa nhà xuất bản 22](#_Toc498884068)

[4.23.1 Tóm tắt 22](#_Toc498884069)

[4.23.2 Dòng sự kiện 23](#_Toc498884070)

[4.23.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 23](#_Toc498884071)

[4.23.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 23](#_Toc498884072)

[4.23.5 Điểm mở rộng 23](#_Toc498884073)

[4.24 Đặc tả use-case xem danh sách phiếu nhập sách 23](#_Toc498884074)

[4.24.1 Tóm tắt 23](#_Toc498884075)

[4.24.2 Dòng sự kiện 23](#_Toc498884076)

[4.24.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 23](#_Toc498884077)

[4.24.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 23](#_Toc498884078)

[4.24.5 Điểm mở rộng 23](#_Toc498884079)

[4.25 Đặc tả use-case lập phiếu nhập sách 24](#_Toc498884080)

[4.25.1 Tóm tắt 24](#_Toc498884081)

[4.25.2 Dòng sự kiện 24](#_Toc498884082)

[4.25.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 24](#_Toc498884083)

[4.25.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 24](#_Toc498884084)

[4.25.5 Điểm mở rộng 24](#_Toc498884085)

[4.26 Đặc tả use-case xóa phiếu nhập sách 24](#_Toc498884086)

[4.26.1 Tóm tắt 24](#_Toc498884087)

[4.26.2 Dòng sự kiện 24](#_Toc498884088)

[4.26.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 25](#_Toc498884089)

[4.26.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 25](#_Toc498884090)

[4.26.5 Điểm mở rộng 25](#_Toc498884091)

[4.27 Đặc tả use-case xem danh sách hóa đơn 25](#_Toc498884092)

[4.27.1 Tóm tắt 25](#_Toc498884093)

[4.27.2 Dòng sự kiện 25](#_Toc498884094)

[4.27.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 25](#_Toc498884095)

[4.27.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 25](#_Toc498884096)

[4.27.5 Điểm mở rộng 25](#_Toc498884097)

[4.28 Đặc tả use-case lập hóa đơn 25](#_Toc498884098)

[4.28.1 Tóm tắt 25](#_Toc498884099)

[4.28.2 Dòng sự kiện 25](#_Toc498884100)

[4.28.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 26](#_Toc498884101)

[4.28.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 26](#_Toc498884102)

[4.28.5 Điểm mở rộng 26](#_Toc498884103)

[4.29 Đặc tả use-case xóa hóa đơn 26](#_Toc498884104)

[4.29.1 Tóm tắt 26](#_Toc498884105)

[4.29.2 Dòng sự kiện 26](#_Toc498884106)

[4.29.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 26](#_Toc498884107)

[4.29.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 26](#_Toc498884108)

[4.29.5 Điểm mở rộng 26](#_Toc498884109)

[4.30 Đặc tả use-case tìm kiếm theo tiêu chí 27](#_Toc498884110)

[4.30.1 Tóm tắt 27](#_Toc498884111)

[4.30.2 Dòng sự kiện 27](#_Toc498884112)

[4.30.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 27](#_Toc498884113)

[4.30.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 27](#_Toc498884114)

[4.30.5 Điểm mở rộng 27](#_Toc498884115)

[4.31 Đặc tả use-case báo cáo thống kê 27](#_Toc498884116)

[4.31.1 Tóm tắt 27](#_Toc498884117)

[4.31.2 Dòng sự kiện 27](#_Toc498884118)

[4.31.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 27](#_Toc498884119)

[4.31.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 28](#_Toc498884120)

[4.31.5 Điểm mở rộng 28](#_Toc498884121)

[4.32 Đặc tả use-case vẽ biểu đồ doanh thu 28](#_Toc498884122)

[4.32.1 Tóm tắt 28](#_Toc498884123)

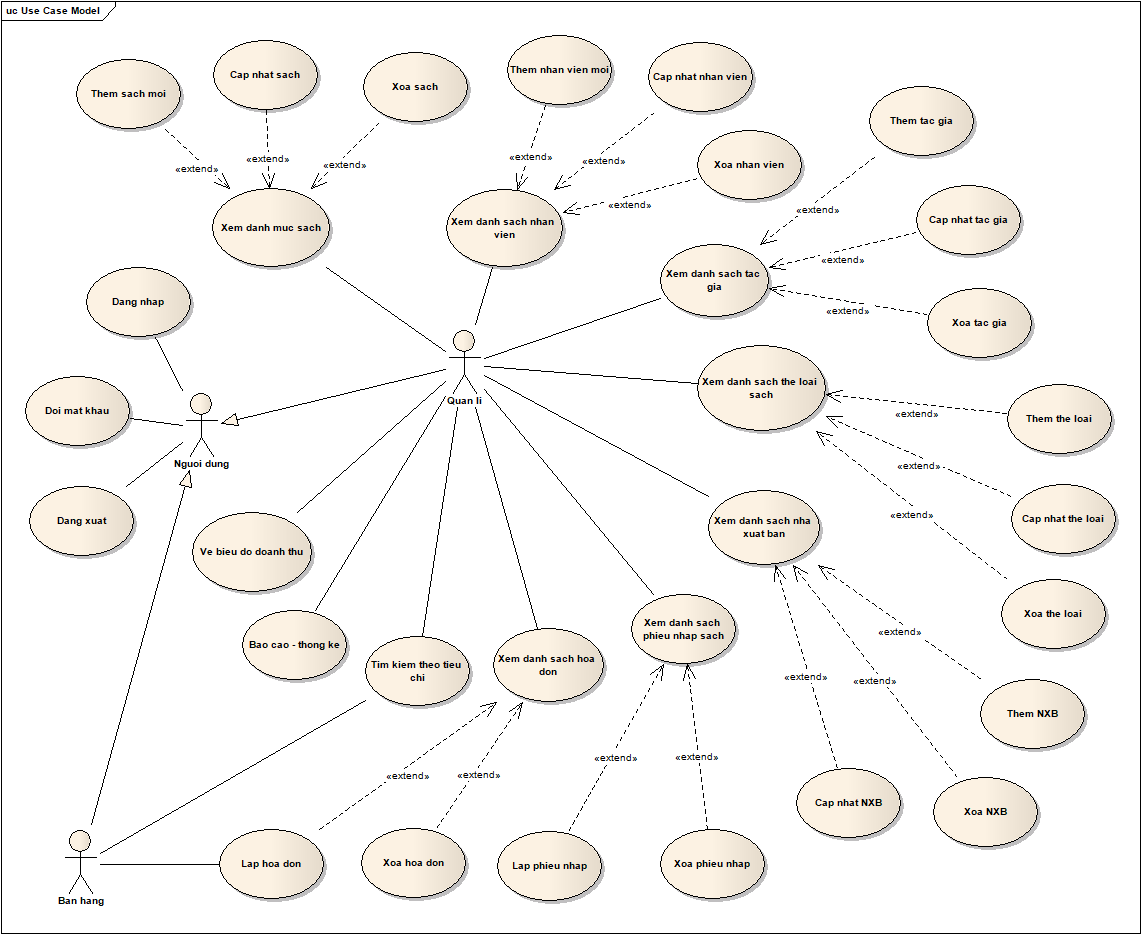
[4.32.2 Dòng sự kiện 28](#_Toc498884124)

[4.32.3 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 28](#_Toc498884125)

[4.32.4 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 28](#_Toc498884126)

[4.32.5 Điểm mở rộng 28](#_Toc498884127)

# Sơ đồ Use-case



# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Actor** | **Ý nghĩa/Ghi chú** |
| 1 | Người quản lý | Quản lý mọi thông tin trong cửa hàng. |
| 2 | Người bán hàng | Thực hiện việc lập hóa đơn bán hàng và tra cứu thông tin sách theo tiêu chí. |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Use-case** | **Ý nghĩa/Ghi chú** |
| 1 | Đăng nhập | Cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống |
| 2 | Đổi mật khẩu | Cho phép người dùng đổi mật khẩu của mình |
| 3 | Đăng xuất | Cho phép người dùng đăng xuất khỏi hệ thống |
| 4 | Xem danh mục sách | Cho phép người dùng xem danh sách các loại sách có trong cửa hàng |
| 5 | Thêm sách | Cho phép người dùng thêm một đầu sách mới |
| 6 | Cập nhật sách | Cho phép người dùng cập nhật thông tin sách |
| 7 | Xóa sách | Cho phép người dùng xóa đi một quyển sách |
| 8 | Xem danh sách nhân viên | Cho phép người dùng xem danh sách nhân viên |
| 9 | Thêm nhân viên | Cho phép người dùng thêm nhân viên mới |
| 10 | Cập nhật nhân viên | Cho phép người dùng cập nhật thông tin nhân viên |
| 11 | Xóa nhân viên | Cho phép người dùng xóa đi một nhân viên |
| 12 | Xem danh sách tác giả | Cho phép người dùng xem danh sách tác giả |
| 13 | Thêm tác giả | Cho phép người dùng thêm tác giả mới |
| 14 | Cập nhật tác giả | Cho phép người dùng cập nhật thông tin tác giả |
| 15 | Xóa tác giả | Cho phép người dùng xóa đi một tác giả |
| 16 | Xem danh sách thể loại | Cho phép người dùng xem danh sách các thể loại sách |
| 17 | Thêm thể loại | Cho phép người dùng thêm thể loại mới |
| 18 | Cập nhật thể loại | Cho phép người dùng cập nhật thông tin thể loại |
| 19 | Xóa thể loại | Cho phép người dùng xóa đi một thể loại sách |
| 20 | Xem danh sách nhà xuất bản | Cho phép người dùng xem danh sách các nhà xuất bản |
| 21 | Thêm NXB | Cho phép người dùng NXB mới |
| 22 | Cập nhật NXB | Cho phép người dùng cập nhật thông tin NXB |
| 23 | Xóa NXB | Cho phép người dùng xóa đi một NXB |
| 24 | Xem danh sách phiếu nhập sách | Cho phép người dùng xem danh sách các phiếu nhập sách |
| 25 | Lập phiếu nhập | Cho phép người dùng lập một phiếu nhập sách mới |
| 26 | Xóa phiếu nhập | Cho phép người dùng xóa đi một phiếu nhập sách |
| 27 | Xem danh sách hóa đơn | Cho phép người dùng xem danh sách các hóa đơn |
| 28 | Lập hóa đơn | Cho phép người dùng lập hóa đơn mới |
| 29 | Xóa hóa đơn | Cho phép người dùng xóa đi một hóa đơn |
| 30 | Tìm kiếm theo tiêu chí | Cho phép người dùng tìm kiếm và tra cứu thông tin cuốn sách theo các tiêu chí: tên sách, NXB, tác giả và thể loại… |
| 31 | Báo cáo – thống kê | Cho phép người dùng lập báo cáo và thống kê: doanh thu, nhập sách và tồn kho |
| 32 | Vẽ biểu đồ doanh thu | Cho phép người dùng vẽ biểu đồ doanh thu theo ngày. |

# Đặc tả Use-case

## Đặc tả Use-case Đăng nhập

### Tóm tắt

Truy cập vào hệ thống để thực hiện các nghiệp vụ quản lý.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Người dùng nhập username và password.
2. Người dùng nhấn nút Đăng nhập nếu muốn đăng nhập hoặc nhấn nút Cancel để thoát.
3. Hiển thị giao diện màn hình chính.

#### Các dòng sự kiện khác

2a. Người dùng chưa nhập liệu:

1. Hệ thống báo thông tin nào chưa nhập.
2. Hệ thống yêu cầu được cung cấp lại thông tin.

2b. Người dùng nhập liệu sai:

1. Hệ thống báo nhập sai Username hoặc password.
2. Hệ thống yêu cầu được cung cấp lại thông tin.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Khởi chạy phần mềm.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hiển thị màn hình chính theo phân quyền người dùng.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Đổi mật khẩu

### Tóm tắt

Cho phép người dùng đổi mật khẩu của mình.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Người dùng nhập mật khẩu cũ và mật khẩu mới.
2. Người dùng nhấn nút đổi mật khẩu để đổi mật khẩu mới hoặc nhấn nút Cancel để thoát.
3. Thông báo đổi mật khẩu thành công và quay lại màn hình chính.

#### Các dòng sự kiện khác

2a. Người dùng nhập sai mật khẩu cũ:

1. Hệ thống báo nhập sai mật khẩu cũ.
2. Hệ thống yêu cầu được cung cấp lại thông tin.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Đổi mật khẩu thành công thì hệ thống sẽ thông báo và quay lại màn hình chính.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Đăng xuất

### Tóm tắt

Cho phép người dùng thoát ra khỏi hệ thống làm việc.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Người dùng chọn chức năng đăng xuất trên màn hình
2. Chương trình thoát ra.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình chính thoát ra và hiển thị màn hình đăng nhập.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Xem danh mục sách

### Tóm tắt

Cho phép người dùng nắm rõ thông tin và danh sách các sách trong tiệm.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Hiển thị danh sách thông tin các loại sách có trong tiệm.
2. Chọn từng loại sách thì hệ thống sẽ hiển thị mã vạch tương ứng.
3. Chọn vào hình mã vạch, hệ thống sẽ xuất ra file hình ảnh mã vạch.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị danh sách các đầu sách trong tiệm.

### Điểm mở rộng

1. Người dùng chọn chức năng thêm sách thì sẽ thực hiện usecase thêm sách.
2. Người dùng chọn sách cần cập nhật và chọn chức năng cập nhật thì sẽ thực hiện usecase cập nhật sách.
3. Người dùng chọn sách cần xóa và chọn chức năng xóa sách thì sẽ thực hiện usecase xóa sách.

## Đặc tả Use-case Thêm sách

### Tóm tắt

Cho phép người dùng thêm thông tin một đầu sách mới.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Chọn chức năng thêm sách.
2. Hệ thống hiển thị màn hình nhập liêu
3. Người dùng nhập liệu thông tin.
4. Người dùng nhấn nút Thêm sách mới nếu muốn thêm hoặc nhấn nút Cancel để thoát.

#### Các dòng sự kiện khác

4a. Người dùng chưa nhập liệu thông tin

1. Hệ thống sẽ báo những thông tin nào chưa nhập.
2. Hệ thống đề nghị cung cấp lại thông tin.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Quay về màn hình hiển thị danh sách các đầu sách trong tiệm.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Cập nhật sách

### Tóm tắt

Cho phép người dùng sửa lại thông tin một đầu sách.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Chọn sách cần cập nhật.
2. Chọn chức năng cập nhật sách.
3. Người dùng cập nhật lại thông tin.
4. Người dùng nhấn nút Cập nhật nếu muốn sửa lại thông tin hoặc nhấn nút Cancel để thoát.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Quay về màn hình hiển thị danh sách các đầu sách trong tiệm.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Xóa sách

### Tóm tắt

Cho phép người dùng xóa thông tin một đầu sách.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Chọn sách cần xóa.
2. Chọn chức năng xóa sách.

#### Các dòng sự kiện khác

2a. Sách còn tồn kho.

1. Hệ thống báo sách còn tồn trong kho, không thể xóa.

2b. Sách đã được bán hết.

1. Hệ thống báo đã xóa thành công.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Quay về màn hình hiển thị danh sách các đầu sách trong tiệm.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Xem danh sách nhân viên

### Tóm tắt

Cho phép người dùng nắm rõ thông tin và danh sách các nhân viên.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Hiển thị danh sách thông tin các nhân viên.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hiển thị màn hình danh sách các nhân viên.

### Điểm mở rộng

1. Người dùng chọn chức năng thêm nhân viên thì sẽ thực hiện usecase thêm nhân viên.

1. Người dùng chọn nhân viên cần cập nhật và chọn chức năng cập nhật thì sẽ thực hiện usecase cập nhật nhân viên.
2. Người dùng chọn nhân viên cần xóa và chọn chức năng xóa nhân viên thì sẽ thực hiện usecase xóa nhân viên.

## Đặc tả Use-case Thêm nhân viên

### Tóm tắt

Cho phép người dùng thêm một nhân viên mới.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* 1. Chọn chức năng thêm nhân viên.
  2. Hệ thống hiển thị màn hình nhập liêu
  3. Người dùng nhập liệu thông tin.
  4. Người dùng nhấn nút Thêm nhân viên nếu muốn thêm hoặc nhấn nút Cancel để thoát.

#### Các dòng sự kiện khác

4a. Người dùng chưa nhập liệu thông tin.

1. Hệ thống thông báo thông tin nào chưa nhập.
2. Hệ thống yêu cầu cung cấp thông tin.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Quay lại màn hình danh sách các nhân viên.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Cập nhật nhân viên

### Tóm tắt

Cho phép người dùng cập nhật lại thông tin nhân viên.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Chọn nhân viên cần cập nhật.
2. Chọn chức năng cập nhật nhân viên.
3. Người dùng cập nhật lại thông tin.
4. Người dùng nhấn nút Cập nhật nếu muốn sửa lại thông tin hoặc nhấn nút Cancel để thoát.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Quay lại màn hình danh sách các nhân viên.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Xóa nhân viên

### Tóm tắt

Cho phép người dùng xóa một nhân viên.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Chọn nhân viên cần xóa.
2. Chọn chức năng xóa nhân viên.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Quay lại màn hình danh sách các nhân viên.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Xem danh sách tác giả

### Tóm tắt

Cho phép người dùng nắm rõ thông tin các tác giả

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Hiển thị danh sách các tác giả.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hiển thị màn hình danh sách các tác giả.

### Điểm mở rộng

1. Người dùng chọn chức năng thêm tác giả thì sẽ thực hiện usecase thêm tác giả.
2. Người dùng chọn tác giả cần cập nhật và chọn chức năng cập nhật thì sẽ thực hiện usecase cập nhật tác giả.
3. Người dùng chọn tác giả cần xóa và chọn chức năng xóa tác giả thì sẽ thực hiện usecase xóa tác giả.

## Đặc tả Use-case Thêm tác giả

### Tóm tắt

Cho phép người dùng thêm một tác giả mới

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

* 1. Người dùng nhấn nút Refresh để xóa trắng các textbox và cập nhật mã tác giả mới.
  2. Người dùng nhập đầy đủ thông tin tác giả.
  3. Nhấn nút Thêm để lưu thông tin.

#### Các dòng sự kiện khác

3a. Người dùng nhập thiếu thông tin:

* 1. Hệ thống thông báo thông tin nào bị thiếu.
  2. Hệ thống yêu cầu cung cấp thông tin.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Quay lại màn hình danh sách các tác giả.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Cập nhật tác giả

### Tóm tắt

Cho phép người dùng sửa lại thông tin một tác giả.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Người dùng chọn tác giả cần cập nhật.
2. Người dùng cập nhật đầy đủ thông tin tác giả.
3. Nhấn nút Sửa để lưu thông tin.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Quay lại màn hình danh sách các tác giả.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Xóa tác giả

### Tóm tắt

Cho phép người dùng xóa thông tin một tác giả.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Người dùng chọn tác giả cần xóa.
2. Người dùng nhấn nút xóa để xóa tác giả.

#### Các dòng sự kiện khác

2a. Còn tồn tại sách thuộc tác giả đã chọn:

1. Hệ thống thông báo còn tồn tại sách thuộc tác giả này.
2. Hệ thống không cho phép xóa tác giả đó.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Quay lại màn hình danh sách các tác giả.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Xem danh sách các thể loại sách

### Tóm tắt

Cho phép người dùng nắm rõ thông tin các thể loại sách.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Hiển thị danh sách các thể loại sách.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hiển thị màn hình danh sách các thể loại sách.

### Điểm mở rộng

1. Người dùng chọn chức năng thêm thể loại thì sẽ thực hiện usecase thêm thể loại.
2. Người dùng chọn thể loại cần cập nhật và chọn chức năng cập nhật thì sẽ thực hiện usecase cập nhật thể loại.
3. Người dùng chọn thể loại cần xóa và chọn chức năng xóa thể loại thì sẽ thực hiện usecase xóa thể loại.

## Đặc tả use-case thêm thể loại

### Tóm tắt

Cho phép người dùng thêm một thể loại sách trong tiệm

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị các thể loại sách đã có
2. Người dùng điển vào tên thể loại sách
3. Người dùng chọn button Thêm
4. Hệ thống thông báo thêm thành công

#### Dòng sự kiện khác

1. Người dùng không nhập tên thể loại   
   1. Hệ thống thông báo người dùng chưa nhập thông tin   
   2. Hệ thống yêu cầu người dùng nhập lại

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các thệ loại sách trong tiệm

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case cập nhật thể loại

### Tóm tắt

Cho phép người dùng chỉnh sửa một thể loại sách trong tiệm

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị các thể loại sách đã có
2. Người dùng chọn vào thể loại sách cần chỉnh sửa
3. Người dùng chỉnh sửa thông tin thể loại
4. Hệ thống thông báo cho người dùng chỉnh sửa thành công

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các thệ loại sách trong tiệm

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case xóa thể loại

### Tóm tắt

Cho phép người dùng xóa một thể loại sách trong tiệm

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị các thể loại sách đã có
2. Người dùng chọn vào thể loại sách cần xóa
3. Người dùng chọn button Xóa
4. Hệ thống thông báo cho người dùng xóa thành công

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các thể loại sách trong tiệm

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case xem danh sách nhà xuất bản

### Tóm tắt

Cho phép người dùng xem danh sách các nhà xuất bạn

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị các nhà xuất bạn

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các thể loại sách trong tiệm

### Điểm mở rộng

1. Người dùng chọn chức năng thêm nhà xuất bản thì sẽ thực hiện usecase thêm nhà xuất bản.
2. Người dùng chọn nhà xuất bản cần cập nhật và chọn chức năng cập nhật thì sẽ thực hiện usecase cập nhật nhả xuất bản.
3. Người dùng chọn nhà xuất bản cần xóa và chọn chức năng xóa nhà xuất bản thì sẽ thực hiện usecase xóa nhà xuất bản.

## Đặc tả use-case thêm nhà xuất bản

### Tóm tắt

Cho phép người dùng thêm nhà xuất bản

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị các nhà xuất bản đã có
2. Người dùng điển thông tin nhà xuất bản
3. Người dùng chọn button Thêm
4. Hệ thống thông báo thêm thành công

#### Dòng sự kiện khác

1. Người dùng không nhập đủ thông tin nhà xuất bạn  
   1. Hệ thống thông báo người dùng chưa nhập đủ thông tin   
   2. Hệ thống yêu cầu người dùng nhập lại

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các nhà xuất bản trong tiệm

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case cập nhật nhà xuất bản

### Tóm tắt

Cho phép người dùng cập nhật một nhà xuất bản

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị các nhà xuất bản đã có
2. Người dùng chọn vào nhà xuất bản cần cập nhật
3. Người dùng chỉnh sửa thông tin
4. Người dùng chọn button cập nhật
5. Hệ thống thông báo cho người dùng cập nhật thành công

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các nhá xuất bản

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case xóa nhà xuất bản

### Tóm tắt

Cho phép người dùng xóa một nhà xuất bản

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị các nhà xuất bản đã có
2. Người dùng chọn vào nhà xuất bản cần xóa
3. Người dùng chọn button Xóa
4. Hệ thống thông báo cho người dùng xóa thành công

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các nhá xuất bản

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case xem danh sách phiếu nhập sách

### Tóm tắt

Cho phép người dùng xem danh sách các phiếu nhập sách

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị các phiếu nhập sách

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các thể loại sách trong tiệm

### Điểm mở rộng

1. Người dùng chọn chức năng lập phiếu nhập bản thì sẽ thực hiện usecase lập phiếu nhập.
2. Người dùng chọn phiếu nhập cần xóa và chọn chức năng xóa phiếu thì sẽ thực hiện usecase xóa phiếu nhập.

## Đặc tả use-case lập phiếu nhập sách

### Tóm tắt

Cho phép người dùng lập phiếu nhập sách

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị chi tiết phiếu nhập cần lập
2. Người dùng điển thông tin sách và thông tin phiếu nhập vào phiếu nhập cần lập
3. Người dùng chọn button Thêm
4. Người dùng chọn button Lập phiếu
5. Hệ thống thông báo thêm thành công

#### Dòng sự kiện khác

1. Người dùng không nhập đủ thông tin   
   1. Hệ thống thông báo người dùng chưa nhập đủ thông tin   
   2. Hệ thống yêu cầu người dùng nhập lại

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các phiếu nhập sách

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case xóa phiếu nhập sách

### Tóm tắt

Cho phép người dùng xóa một phiếu nhập sách

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị các phiếu nhập sách đã có
2. Người dùng chọn vào phiếu nhập sách cần xóa
3. Người dùng chọn button Xóa
4. Hệ thống thông báo cho người dùng xóa thành công

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các phiếu nhập sách

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case xem danh sách hóa đơn

### Tóm tắt

Cho phép người dùng xem danh sách các hóa đơn

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị các hóa đơn

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các thể loại sách trong tiệm

### Điểm mở rộng

1. Người dùng chọn chức năng lập hóa đơn thì sẽ thực hiện usecase lập hóa đơn.
2. Người dùng chọn hóa đơn cần xóa và chọn chức năng xóa thì sẽ thực hiện usecase xóa hóa đơn.

## Đặc tả use-case lập hóa đơn

### Tóm tắt

Cho phép người dùng lập hóa đơn

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị chi tiết hóa đơn cần lập
2. Người dùng điển thông tin sách và thông tin hóa đơn vào hóa đơn cần lập
3. Người dùng chọn button Thêm
4. Người dùng chọn button Lập hóa đơn
5. Hệ thống thông báo thêm thành công

#### Dòng sự kiện khác

1. Người dùng không nhập đủ thông tin   
   1. Hệ thống thông báo người dùng chưa nhập đủ thông tin   
   2. Hệ thống yêu cầu người dùng nhập lại

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các phiếu nhập sách

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case xóa hóa đơn

### Tóm tắt

Cho phép người dùng xóa một hóa đơn

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị các hóa đơn đã có
2. Người dùng chọn vào hóa đơn cần xóa
3. Người dùng chọn button Xóa
4. Hệ thống thông báo cho người dùng xóa thành công

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các danh sách hóa đơn

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case tìm kiếm theo tiêu chí

### Tóm tắt

Cho phép người dùng tim kiếm theo các tiêu chí

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Người dùng chọn tiêu chí mình muốn tìm kiếm
2. Người dùng nhập thông tin cần tìm kiếm
3. Người dùng chọn button Tìm kiếm
4. Hệ thống hiển thị danh sách tìm kiếm theo tiêu chí đó

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị lại các danh sách thông tin sách cần tìm

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case báo cáo thống kê

### Tóm tắt

Cho phép người dùng nắm được tình hình doanh thu, nhập sách và tồn kho theo ngày.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Người dùng chọn loại báo cáo – thống kê.
2. Màn hình hiển thị thông tin nhập ngày cần để báo cáo – thống kê.
3. Người dùng điền thông tin thời gian cần báo cáo – thống kê.
4. Người dùng nhấn nút báo cáo để hệ thống xuất thông tin cần báo cáo – thống kê
5. Hệ thống hiển thị thông tin tương ứng.
6. Người dùng nhấn nút In để xuất biểu mẫu báo cáo.

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị thông tin cần được báo cáo thống kê.

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả use-case vẽ biểu đồ doanh thu

### Tóm tắt

Cho phép người dùng xem doanh thu theo dạng biểu đồ trong 1 khoảng thời gian.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Màn hình hiển thị thông tin nhập ngày cần để thống kê doanh thu
2. Người dùng điền thông tin khoảng thời gian cần thống kê
3. Người dùng chọn button vẽ biểu đồ
4. Hệ thống hiển thị biểu đồ cho người dùng

#### Dòng sự kiện khác

Không có

#### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người dùng đặng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Màn hình hiển thị biểu đồ doanh thu

### Điểm mở rộng

Không có